

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ K
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2017/HSST.

Ngày 29-11-2017.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ K, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trình Văn Út.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Vũ Thị Đức.
2. Ông Phạm Minh Thành.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thùy - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã K, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã K, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Kho - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã K, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 22/2017/HSST ngày 10 tháng 11 năm 2017 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị Đ, sinh năm: 1966; Nơi sinh: Huyện M, tỉnh Bến Tre; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu phố 3, phường 3, thị xã K, tỉnh Long An; Chỗ ở hiện nay: Khu phố 3, phường 3, thị xã K, tỉnh Long An; Nghề nghiệp: Mua bán; Trình độ học vấn: 8/12; Dân tộc: Kinh; Con ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị M (đã chết); Chồng tên Nguyễn Văn B, sinh năm: 1968; Con có 03 người, lớn nhất sinh năm 1989 nhỏ nhất sinh năm 1999; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo được tại ngoại điều tra đến nay có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Đặng Văn X, sinh năm 1968; Địa chỉ: Khu phố 1, Phường 1, thị xã K, tỉnh Long An (có mặt).

2. Bà Nguyễn Thị Tường V, sinh năm 1972; Địa chỉ: Số 20, đường N, khu phố 1, Phường 1, thị xã K, tỉnh Long An (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại bản cáo trạng 20/QĐ/KSĐT ngày 10 tháng 11 năm 2017 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã K, tỉnh Long An truy tố ra trước Tòa án nhân dân thị xã K, tỉnh Long An để xét xử bị cáo Nguyễn Thị Đ về tội “Vận chuyển trái phép tiền tệ qua biên giới” theo quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 154 Bộ luật hình sự.

Hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Thị Đ bị Viện Kiểm sát nhân dân thị xã K, tỉnh Long An truy tố như sau:

Khoảng 13 giờ ngày 04/7/2017 Nguyễn Thị Đ, sinh năm: 1968 ngụ khu phố 3, phường 3, thị xã K điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 62K1-9232 từ nhà vào chợ trời Campuchia đến tiệm tạp hóa của anh Đặng Văn X, sinh năm: 1968 có hộ khẩu thường trú khu phố 1, phường 1, thị xã K để mua 02 bao đường cát Thái Lan loại mỗi bao 50 kilôgam, 01 thùng bia Angko, 20 bít bánh hiệu MIX do Thái lan sản xuất nhằm đem về Việt Nam bán lại kiếm lời. Sau khi mua và chất đồ lên xe xong khoảng 14 giờ 30 cùng ngày, anh X có nhờ Đ chuyển tiền về Việt Nam giao cho chị Nguyễn Thị Tường V, sinh năm: 1972 ngụ tại khu phố 1, phường 1, thị xã K giùm, Đ nhận lời. Đ nhận 02 bít tiền từ X, 01 bít tiền Đ để chung bít bánh hiệu MIX treo trên xe mô tô, 01 bít tiền Đ để trong áo trước bụng rồi điều khiển xe mô tô đi theo đường mòn phía Campuchia lên kênh T1 thuộc ấp G, xã B, đi ra tỉnh lộ 831 rồi chạy về ngã tư B theo Quốc lộ 62 đến gần Trạm kiểm soát liên hợp cũ thuộc ấp Ô, xã B, thị xã K lúc 15 giờ 30 phút cùng ngày bị lực lượng tuần tra Công an thị xã K kiểm tra bắt quả tang.

Vật chứng thu giữ: 01 xe mô tô biển kiểm soát 62K1-9232 và giấy chứng nhận đăng ký mang tên Nguyễn Thị Đ; 02 bao đường cát do Thái Lan sản xuất, trọng lượng mỗi bao 50 kilôgam; 20 bít bánh hiệu MIX do Thái lan sản xuất; 01 thùng bia Angko do Campuchia sản xuất; 01 bít nhựa màu đen để trong bít bánh treo trên xe mô tô đựng tiền Việt Nam: 114.450.000 đồng (gồm: 100 tờ mệnh giá 500.000 đồng, 165 tờ mệnh giá 200.000 đồng, 210 tờ mệnh giá 100.000 đồng, 209 tờ mệnh giá 50.000 đồng); 01 bít nhựa màu đen để trong áo phía trước người Đ đựng tiền Việt Nam: 228.800.000 đồng (gồm: 199 tờ mệnh giá 500.000 đồng, 236 tờ mệnh giá 200.000 đồng, 691 tờ mệnh giá 100.000 đồng, 260 tờ mệnh giá 50.000 đồng); 01 điện thoại di động đã qua sử dụng hiệu Nokia, màu đen, có 02 sim số: 01688444419 và 01234707276.

Qua điều tra xác định Đặng Văn X và Nguyễn Thị Tường V là chỗ bạn bè từ trước. Khoản ngày 30/6/2017 chị V hỏi mượn tiền anh X khoảng 300 triệu đồng đến 350 triệu đồng, anh X nói khi nào có sẽ đưa, đến sáng ngày 04/7/2017 chị V có điện thoại nhắc lại anh X việc mượn tiền thì anh X hứa khi nào có thì gửi ra và điện thoại báo. Đến khoảng hơn 14 giờ cùng ngày thì anh X gặp Đ mua đồ tại tiệm tạp hóa của anh X ở bên Campuchia nên gửi Đ đem hai bít tiền về giao lại cho V giùm, X chưa điện thoại báo cho V thì Đ đã bị bắt.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên đề nghị:

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Đ phạm tội “Vận chuyển trái phép tiền tệ qua biên giới”.

Về hình phạt: Áp dụng Điểm a Khoản 2 Điều 154; Điều 33; Điểm p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46; Điều 60 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Đ từ 02 đến 02 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 04 đến 5 năm.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 41 của Bộ luật hình sự, Điều 76 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu sung ngân sách nhà nước chiếc xe mô tô biển kiểm soát 62K1-9232 và giấy chứng nhận đăng ký mang tên Nguyễn Thị Đ; 02 bao đường cát do Thái Lan sản xuất, trọng lượng mỗi bao 50 kilôgam; 20 bít bánh hiệu MIX do Thái lan sản xuất; 01 thùng bia Angko do Campuchia sản xuất.

Tịch thu tiêu hủy 01 bít nhựa màu đen.

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị Đ 01 điện thoại di động đã qua sử dụng hiệu Nokia, màu đen, có 02 sim số: 01688444419 và 01234707276.

Tịch thu sung ngân sách nhà nước số tiền của ông Đặng Văn Xứng mà bị cáo Nguyễn Thị Đ vận chuyển trái phép qua biên giới là 343.250.000 đồng tiền Việt Nam.

Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại Khoản 5 Điều 154 của Bộ luật hình sự, thì hành vi của bị cáo Nguyễn Thị Đ có thể phạt bổ sung từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 đến 05 năm. Nhưng bị cáo không có chức vụ, không có hành nghề hoặc công việc gì quan trọng chỉ sống nghề mua bán nhỏ, hoàn cảnh gia đình khó khăn nên đề nghị miễn phạt bổ sung cho bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và lời khai của những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1] Tại phiên tòa hôm nay bị cáo Nguyễn Thị Đ khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản cáo trạng mà Viện kiểm sát đã nêu. Bị cáo thừa nhận hành vi của mình là vi phạm pháp luật, nên Viện kiểm sát truy tố bị cáo để xét xử về tội vận chuyển trái phép tiền tệ qua biên giới là đúng người, đúng tội không oan. Lời khai nhận tội của bị cáo Nguyễn Thị Đ tại phiên tòa hôm nay, được đối chiếu với biên bản phạm tội quả tang, biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu, sơ đồ, bản ảnh hiện trường, lời khai của người liên quan và các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa là phù hợp.

[2] Bị cáo Nguyễn Thị Đ dùng xe mô tô biển kiểm soát 62K1-9232 của mình vận chuyển 343.250.000 đồng tiền Việt Nam và một số hàng hóa nhập lậu khác như 02 bao đường cát do Thái Lan sản xuất, trọng lượng mỗi bao 50 kilôgam; 20 bị bánh hiệu MIX do Thái Lan sản xuất; 01 thùng bia Angko do Campuchia sản xuất từ Campuchia về Việt Nam đi đường cấm, số lượng tiền bị thu giữ 343.250.000 đồng là vi phạm pháp luật được quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 154 của Bộ luật hình sự.

[3] Như vậy, đã có đầy đủ căn cứ pháp lý để kết luận rằng hành vi của bị cáo Nguyễn Thị Đ đủ yếu tố cấu thành tội vận chuyển trái phép tiền tệ qua biên giới theo quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 154 của Bộ luật hình sự, nên Viện kiểm sát truy tố bị cáo Nguyễn Thị Đ ra Tòa là có căn cứ đúng quy định của pháp luật.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Thị Đ là nguy hiểm cho xã hội, không những trực tiếp xâm phạm đến trật tự về quản lý kinh tế. Việc vận chuyển trái phép tiền tệ qua biên giới làm xáo trộn nền kinh tế thị trường trong nước, sẽ ảnh hưởng rất lớn đến sự phát triển kinh tế của địa phương trên tuyến biên giới.

Hành vi phạm tội của bị cáo Đ đã bị pháp luật nghiêm cấm. Do đó, cần phải xử lý bằng pháp luật hình sự để có một hình phạt tương xứng với hành vi mà bị

cáo Đ đã gây ra nhằm giáo dục bị cáo thành người công dân có ích cho xã hội, đồng thời mang tính răn đe phòng ngừa chung cho xã hội.

[5] Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt cần xem xét đến tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để có một hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự mà bị cáo có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là sau khi phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải được quy định tại Điểm p Khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự. Ngoài ra, bị cáo có nhân thân tốt, bản thân chưa tiền án tiền sự, hoàn cảnh gia đình khó khăn, luôn chấp hành đường lối chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước, gia đình có công với cách mạng. Đây là những tình tiết giảm nhẹ khác được quy định tại Khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự. Mặt khác, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng và xét thấy nếu không bắt bị cáo đi chấp hành hình phạt tù cũng không gây nguy hiểm cho xã hội. Do đó bị cáo Nguyễn Thị Đ có đủ điều kiện được hưởng án treo theo quy định tại Điều 60 của Bộ luật hình sự và Khoản 1 Điều 2 của Nghị quyết số 01/2013/NQ-HĐTP ngày 06/11/2013 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Vì vậy, không cần cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội mà chỉ cần áp dụng hình phạt tù cho hưởng án treo với thời gian dài thử thách, giao bị cáo về chính quyền địa phương nơi bị cáo thường trú để giám sát giáo dục cũng có tác dụng giáo dục và phòng ngừa chung.

[6] Về vật chứng: Áp dụng Điều 41 của Bộ luật hình sự, Điều 76 của Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu sung ngân sách Nhà nước của bị cáo Nguyễn Thị Đ 01 xe mô tô biển kiểm soát 62K1-9232 và giấy chứng nhận đăng ký mang tên Nguyễn Thị Đ; 02 bao đường cát do Thái Lan sản xuất, trọng lượng mỗi bao 50 kilôgam; 20 bì bánh hiệu MIX do Thái lan sản xuất; 01 thùng bia Angko do Campuchia sản xuất;

Trả lại cho bị cáo Đ 01 điện thoại di động đã qua sử dụng hiệu Nokia, màu đen 02 sim số: 01688444419 và 01234707276

Tịch thu tiêu hủy của bị cáo Nguyễn Thị Đ 01 bít nhựa màu đen.

Các vật chứng này hiện Chi cục Thi hành án dân sự thị xã K đang quản lý.

Tịch thu sung ngân sách nhà nước số tiền của ông Đặng Văn X mà bị cáo Nguyễn Thị Đ vận chuyển trái phép qua biên giới là 343.250.000 đồng tiền Việt Nam. Số tiền này Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã K tạm gửi Kho bạc nhà nước thị xã K tại tài khoản số 3949.0.9067498.00000. Tiếp tục tạm giữ để đảm bảo công tác thi hành án dân sự.

[7] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại Khoản 5 Điều 154 của Bộ luật hình sự, thì hành vi của bị cáo Nguyễn Thị Đ có thể phạt bổ sung từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 đến 05 năm. Nhưng xét thấy bị cáo không có chức vụ, không có hành nghề hoặc công việc gì quan trọng chỉ sống nghề mua bán nhỏ, hoàn cảnh gia đình khó khăn nên miễn phạt bổ sung cho bị cáo là phù hợp.

Đối với Đặng Văn X tuy có hộ khẩu thường trú khu phố 1, phường 1, thị xã K, tỉnh Long An nhưng ông X khai có hai Quốc tịch (Việt Nam và Campuchia). Hiện Sở tư pháp tỉnh Long An đã tra cứu Quốc tịch Campuchia nhưng chưa có kết quả nên chưa đủ cơ sở xác định X có quốc tịch Campuchia. Hiện nay X ở và mua

bán bên Campuchia nên khi giao tiền nhờ Đ vận chuyển là xảy ra bên Campuchia nên không xem xét xử lý hành vi liên quan đối với ông X là phù hợp.

Đối với bà Nguyễn Thị Tường V là có hỏi mượn tiền của ông X, còn việc tiền của ông X có nguồn gốc và giao tiền như thế nào thì bà V hoàn toàn không biết nên không xem xét trách nhiệm liên quan là phù hợp.

[10] Từ những nhận xét nêu trên cũng như qua tranh luận tại phiên tòa. Xét thấy, trong quá trình điều tra, truy tố các hành vi, quyết định của Điều tra viên, Kiểm sát viên thực hiện đúng trình tự thủ tục tố tụng quy định. Vì vậy, đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là có căn cứ đúng pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị Đ phạm tội “Vận chuyển trái phép tiền tệ qua biên giới”.

Áp dụng Điểm a Khoản 2 Điều 154; Điều 33; Điểm p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46; Điều 60 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Đ 02 (hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 04 (bốn) năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 29/11/2017).

Giao bị cáo Nguyễn Thị Đ cho Ủy ban nhân dân phường 3, thị xã K, tỉnh Long An nơi bị cáo Đ thường trú để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp Nguyễn Thị Đ thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

2/ Về vật chứng: Áp dụng Điều 41 của Bộ luật hình sự và Điều 76 của Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu sung ngân sách nhà nước của bị cáo Nguyễn Thị Đ chiếc xe mô tô biển kiểm soát 62K1-9232 và giấy chứng nhận đăng ký mang tên Nguyễn Thị Đ; 02 bao đường cát do Thái Lan sản xuất, trọng lượng mỗi bao 50 kilôgam; 20 bị bánh hiệu MIX do Thái Lan sản xuất; 01 thùng bia Angko do Campuchia sản xuất.

Trả lại cho bị cáo Đ 01 điện thoại di động đã qua sử dụng hiệu Nokia, màu đen 02 sim số: 01688444419 và 01234707276

Tịch thu tiêu hủy của bị cáo Nguyễn Thị Đ 01 bít nhựa màu đen.

Các vật chứng này hiện Chi cục Thi hành án dân sự thị xã K đang quản lý.

Tịch thu sung ngân sách Nhà nước của ông Đặng Văn X số tiền mà bị cáo Nguyễn Thị Đ vận chuyển trái phép qua biên giới là 343.250.000 đồng tiền Việt Nam. Số tiền này Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã K tạm gửi Kho bạc nhà nước thị xã K, tỉnh Long An tại tài khoản số 3949.0.9067498.00000. Tiếp tục tạm giữ để đảm bảo công tác thi hành án dân sự.

Về án phí: Áp dụng Điều 98, Điều 99 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Áp dụng Điểm a Khoản 1 Điều 3, Khoản 1 Điều 21; Điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016. Buộc bị cáo Nguyễn Thị Đ phải chịu 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm nộp ngân sách nhà nước.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo, các người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Báo cho biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND thị xã;
- Chi cục THADS thị xã;
- Bị cáo, người liên quan;
- Đội CSTHAHS và hỗ trợ tư pháp;
- Thi hành án phạt tù.
- Lưu hồ sơ.
- Lưu án văn.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trình Văn Út

